TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138 /2018/DS-PT.
Ngày 12 - 9 - 2018.
V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.
Các thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm.
Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:*** Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLPT - DS ngày 03/7/2018 về tranh chấp *"Đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS - ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2018/QĐ – PT, ngày 30/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường Âu Dương L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị Minh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2017) (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L: Luật sư Phan Duy V – Công ty Luật TNHH Thiện Lý – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị D, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: khóm B, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thiên P, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường C, phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Bà Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị Minh H trình bày:

Bà L là em ruột của ông Nguyễn Thiên Ph, giữa ông Ph và bà Hồ Thị D trước đây là vợ chồng. Trước đây, từ ngày 08/8/2002 đến ngày 01/12/2005 bà L bán quần, áo cho vợ chồng ông Ph bà D. Hình thức mua bán thiếu, mỗi lần bà L giao hàng bà D và ông Ph có ghi sổ theo dõi, sau khi kết sổ thì ông Ph và bà D còn nợ lại bà L 169.000.000 đồng. Đến ngày 16/12/2016 ông Ph bà D ly hôn, ông Ph chủ động trả cho bà L ½ số nợ là 84.500.000 đồng, còn ½ số nợ bà D không trả. Nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả cho bà 84.500.000 đồng vốn và tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/5/2018 bằng số tiền 11.221.000 đồng.

Bị đơn bà Hồ Thị D trình bày:

Trước đây, bà và ông Ph có mua quần, áo của bà L. Theo sổ bà L cung cấp thì từ ngày 08/8/2002 đến ngày 30/11/2002 (Từ bút lục 41 đến 51) là do bà ghi và từ ngày 03/12/2002 trở về sau do ông Ph tự ghi (Từ bút lục 52 đến 96), việc giao hàng của bà L do ông Ph trực tiếp thực hiện bà chỉ nhận hàng giao cho khách và nhận tiền về giao lại cho ông Ph, ông Ph thanh toán tiền trực tiếp với bà L. Việc bà L cho rằng bà còn nợ bà L số tiền 84.500.000 đồng là không có. Vì, việc mua bán đã chấm dứt từ năm 2006, tại sao bà L không mang sổ đến cho bà và ông Ph ký xác nhận công nợ. Hơn nữa, sổ mà bà L dùng làm chứng cứ khởi kiện là do ông Ph cung cấp cho em là bà L trong thời gian bà và ông Ph phát sinh mâu thuẫn ly hôn. Bà L dùng sổ do ông Ph tự ghi không có phần kết sổ có chữ ký của cả 03 người là bà, bà L và ông Ph thể hiện bà và ông Ph còn nợ bà L 169.000.000 đồng. Nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiên Ph trình bày:

Giữa ông và bà L là anh em. Vào ngày 08/8/2002 ông và bà D mua hàng quần, áo của bà L theo hình thức lấy hàng bán xong mới trả tiền. Khi nhận hàng ông có ghi sổ theo dõi. Theo ông đến khi kết sổ ông và bà D còn nợ lại bà L 169.000.000 đồng. Năm 20017 ông và bà D ly hôn, bà L có đề cập đến số nợ này, ở lần hòa giải đầu tiên bà L nói cho 02 con chung của ông và bà D, đến lần hòa giải sau bà D nói tiền đó là không khí chứ không có. Nên sau khi ông và bà D ly hôn bà L mới khởi kiện đòi bà D trả ½ số nợ chung của vợ chồng ông đối với phần bà D chưa trả 84.500.000 đồng là đúng. Vì sau khi ly hôn ông đã trả cho bà L phần của ông ½ nợ chung là 84.500.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST, ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ L đòi bà Hồ Thị D phải trả số tiền mua quần áo còn thiếu là 84.500.000 đồng và tiền lãi là 11.221.000 đồng. Cộng chung vốn và lãi là 95.721.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11/5/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc bà Hồ Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà ½ số tiền mà vợ chồng bà D còn nợ bà là 84.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi do bà D chậm trả nợ là 11.221.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn bà D đồng ý với bản án sơ thẩm và không đồng ý với kháng cáo của bà L.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 84.500.000 đồng vốn mua quần, áo còn nợ và tiền lãi suất là 11.221.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt và Luật sư đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông Ph được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiển sát xét thấy kháng cáo của nguyên đơn chưa có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố Tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục:

Ngày 11/5/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST, ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long và nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 16/5/2018. Đơn kháng cáo của bà L còn trong thời hạn luật định theo Điều 273 và bà L nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, kháng cáo của bà L được Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung:

[1]. Xét việc bà L kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm buộc bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà ½ số tiền mà vợ chồng bà D còn nợ là 84.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi do bà D chậm trả nợ 11.221.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Vì, bà L là người bán hàng quần, áo cho ông Ph, bà D theo hình thức lấy hàng bán xong mới trả tiền, bản thân bà L không có ghi sổ theo dõi, mà sổ theo dõi do phía ông Ph ghi. Từ ngày 03/12/2002 đến ngày 10/01/2006, ông Ph là anh bà L ghi sổ và trực tiếp trả tiền cho bà L lúc vợ chồng ông Ph, bà D còn sống hòa thuận thì bà L không đề cập giải quyết phần nợ này. Đến năm 2016, tức 10 năm sau khi hai bên chấm dứt việc mua bán. Ông Ph bà D phát sinh mâu thuẩn. Ông Ph làm đơn xin ly hôn với vợ là bà D thì ông Ph mới đưa ra quyển sổ do ông tự ghi và cho rằng ông và bà D còn nợ em ruột là bà L số tiền 169.000.000 đồng. Bà D không biết số nợ này và sổ nợ do ông Ph đưa ra không có bà D ký xác nhận khi kết sổ. Theo bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xử; về quan hệ hôn nhân: Công nhận cho ông Ph và bà D được thuận tình ly hôn. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử xong vụ án ly hôn giữa ông Ph và bà D. Đến ngày 09/8/2017 bà L mới làm đơn khởi kiện yêu cầu chị dâu là bà D trả ½ số nợ là 84.500.000 đồng. Bà L là chủ nợ từ khi giao dịch cho đến khi chấm dứt việc mua bán không yêu cầu chị dâu là bà D ký xác nhận nợ và cũng không nhắc đến việc ông Ph và bà D có nợ bà L, bà L chỉ căn cứ vào sổ do ông Ph tự ghi không rõ ràng khi kết sổ có nội dung "169.000 đây là số tiền vợ chồng tôi nợ tiền quần, áo của cô L và có chữ ký của ông Ph", ngoài quyển sổ này ra bà L không có chứng cứ nào khác thể hiện ông Ph và bà D còn nợ bà L 169.000.000 đồng. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L.

[2]. Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là chưa có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận mà không chấp nhận.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định của bản án sơ thẩm về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST, ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L đòi bị đơn bà Hồ Thị D phải trả số tiền mua quần, áo còn thiếu là 84.500.000 đồng và tiền lãi là 11.221.000 đồng. Cộng chung vốn và lãi là 95.721.000 đồng (Chín mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L nộp 4.786.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.323.000 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long theo biên lai thu số 0002886, ngày 23/10/2017, bà L phải tiếp tục nộp số tiền 2.463.000 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long theo biên lai thu số 0003299 ngày 16/5/2018. Bà L không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC: 01b;*
- *VKSND.Tỉnh VL: 02b;*
- *CA TAT: 01b;*
- *TAND. TP Vĩnh Long: 01b;*
- *THADS.TP Vĩnh Long: 02b;*
- *Đ/sự: 03b;*
- *Lưu: 06 b.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường